

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ TÓNG HỢP TÀI SẢN BỊ TỊCH THU ĐỀ XUẤT BÁN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Thông báo lựa chọn số: 46 /TB-QLTTHD ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Cục QLTT tỉnh Hải Dương)

TT	Phương án	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chung loại, nhãn hiệu	Nguồn gốc xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Căn cứ đề xuất	Đề xuất phương án
			Số QĐ	Ngày, tháng											
1					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động iPhone 12 pro	Loại 128G, số Imei: 253147472105586; 356961134456113; 353075119044712; 353073116785783; 354523339993027; 353909595185864; 353147471958316; 356680117743202; 351194963376302; 350905827758448	Không rõ	Đã qua sử dụng qua sử dụng	Chiếc	10	6,390,000	63,900,000	Hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Bán đầu giá
2					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động iPhone XR	Loại 64G, số Imei: 357357092536815; 357356095957143	Không rõ	Đã qua sử dụng qua sử dụng	Chiếc	2	3,090,000	6,180,000	Hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Bán đầu giá
3					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động iPhone XR	Loại 128G số Imei: 357371092367980; 353079108573871; 357357098137659.	Không rõ	Đã qua sử dụng qua sử dụng	Chiếc	3	3,660,000	10,980,000	Hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Bán đầu giá
LÔ THỨ 01													Tổng: 81,060,000		
1			23030002/ QĐ-XPHC	1/2/2025	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Cát đen	Làm vật liệu xây dựng	Không rõ	Nguyên đồng	m ³	200	160,000	32,000,000	Hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Bán đầu giá

LÔ THỨ 02		LÔ THỨ 03		Tổng: 32,000,000											
1	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010169 /QD- XPHC	31/12/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Bo mạch chủ máy tính (Mainboard)	Loại Chipset H81	Nước ngoài	Đã qua sử dụng	Cái	100	215,000	21,500,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
2	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010169 /QD- XPHC	31/12/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Ổ cứng máy tính	Loại SSD, dung lượng 120 GB	Nước ngoài	Đã qua sử dụng	Cái	150	122,000	18,300,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
3	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010169 /QD- XPHC	31/12/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Bộ vi xử lý CPU (Chip máy tính)	Loại Intel Core i5- 4570	Nước ngoài	Đã qua sử dụng	Cái	13	204,000	2,652,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
												Tổng: 42,452,000			
1	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Bất bèo trước (mã TOSTM-017, TOSTM-015)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	16	100,000	1,600,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
2	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Pully máy phát (mã 535026610, 535012810, 535031810)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	11	400,000	4,400,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
3	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Cao su căng A (mã TOCAB-019)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	8	85,000	680,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
4	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Cao su căng A (mã TOCAB-093)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	9	150,000	1,350,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
5	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Đèn Led (mã N2- 9005, N2-9006, N2- H8, N2-H4, 9005, H4)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Bộ	9	600,000	5,400,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
6	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Bugí (mã 25193473, 96464000)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	38	75,000	2,850,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
7	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Lọc nhiên liệu (mã EF00007T, EF00081T)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	9	180,000	1,620,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá

8	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Lọc dầu (mã MOF2720)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	5	130,000	650,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
9	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Tấm bông liên chụp bụi (mã TODBT- 004)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	6	110,000	660,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
10	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Mô tơ quạt kết nước (mã 25386-1Y140)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	2	700,000	1,400,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
11	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Cao su chân giảm xóc (mã TOSHB- 011, loại 50 chiếc/túi)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Túi	3	750,000	2,250,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
12	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Chụp bụi thước lái (mã TOSGK-012, TOSGK-008, TS577402G000, EX577402B000)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	32	80,000	2,560,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
13	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Bát bèo trước (mã TOSTM-016)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	4	345,000	1,380,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
14	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Bát bèo trước (mã TOSTM-010)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	6	315,000	1,890,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
15	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Bì quang treo (mã TOCBS-007, TOCBS-009)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	3	370,000	1,110,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
16	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Cao su thanh giăng đọc sau (mã TOSPD- 065)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	20	60,000	1,200,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
17	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Tấm bông trước (mã TOSAB-002)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	14	60,000	840,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá
18	03/PAXLT S-Đội1	Đội QLTT số 1	23010001 /QĐ- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Bát bèo trước (mã TOSTM-018)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	2	280,000	560,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá

19	03/PAXLT S-Đội 1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Chụp bụi lap (TOCVK-043)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	8	85,000	680,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá	
20	03/PAXLT S-Đội 1	Đội QLTT số 1	23010001 /QD- XPHC	02/01/25	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Phụ tùng xe ô tô	Lọc dầu (mã FO- CHE1004P, FO- PE3001P)	Nước ngoài	Chưa qua sử dụng	Cái	12	70,000	840,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá	
LÔ THỨ 04																
1	03/PAXLT S-Đội 1	Đội QLTT số 1	23010002 /QD- XPHC	03/01/25	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Điện thoại di động	iPhone Xs Max, loại 64G; số Imei: 353112106791508; 353112106808591; 353123101495532; 353123101276510;	Không rõ	Đã qua sử dụng	Cái	4	3,546,000	14,184,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá	
2	03/PAXLT S-Đội 1	Đội QLTT số 1	23010002 /QD- XPHC	03/01/25	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Điện thoại di động	iPhone 11, loại 64G; số Imei: 356872119166561	Không rõ	Đã qua sử dụng	Cái	1	3,509,000	3,509,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá	
3	03/PAXLT S-Đội 1	Đội QLTT số 1	23010002 /QD- XPHC	03/01/25	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Điện thoại di động	iPhone 11 Pro, loại 64G; số Imei: 353841105176721; 353235101476997	Không rõ	Đã qua sử dụng	Cái	2	3,766,000	7,532,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá	
4	03/PAXLT S-Đội 1	Đội QLTT số 1	23010002 /QD- XPHC	03/01/25	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Điện thoại di động	iPhone 11 Promax, loại 64G; số Imei: 35284011649754; 352850116052863	Không rõ	Đã qua sử dụng	Cái	2	4,517,000	9,034,000	Hàng hóa có giá trị sử dụng	Bán đầu giá	
LÔ THỨ 05																
Tổng cộng 05 lô tài sản: 223.691.000 đ												Tổng:	33,920,000	34,259,000		

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số 46 /TB-QLTTHD ngày 16 /01/2025)



TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2,0
	Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	



4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc đã thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề thành Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0

2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá không thành trở lên	7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) được tính tương tự theo công thức trên. Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0



	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ-CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0

9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	2,0
1.1	Từ 10 cuộc đến dưới 80 cuộc	1,0
1.2	Từ 80 cuộc trở lên	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
2.1	Từ 05 Hợp đồng đến dưới 20 Hợp đồng	1,0
2.2	Từ 20 Hợp đồng trở lên	2,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương	4,0
Tổng số điểm		100

Ghi chú:

1. Tiêu chí đánh giá chấm điểm tại Phụ lục này không bao gồm tài sản đấu giá là biển số xe theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện đấu giá.
2. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.
3. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.
4. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.
5. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

6. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.